

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/DS-PT
Ngày 15-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số B, Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An; địa chỉ liên lạc: Số I, đường số E, khu phố B, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023: Ông Đoàn Kim T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số C, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Thanh S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số B V, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Thanh S theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023: Ông Đoàn Kim T, sinh năm 1968; nơi cư trú: số C ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số C N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Bà Vũ Thị Kim Y, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số A N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số A, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng T1 và ông Nguyễn Trọng C: Ông Nguyễn Thành T2, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thành T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B (sau đây gọi tắt là ông B) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/3/2021, ông B cho ông Nguyễn Trọng T1 (sau đây gọi tắt là ông T1) vay số tiền 10.000.000.000đ để mua tài sản đầu giá; vay không lãi suất; thời hạn vay 03 tháng, tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày 05/6/2021; hợp đồng vay tiền lập ngày 05/3/2021 có công chứng tại Văn phòng C1. Đến thời hạn trả tiền vay nhưng ông T1 không trả.

Nay ông B yêu cầu ông T1 trả vốn 10.000.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 05/3/2021 đến khi xét xử.

Theo đơn phản tố, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T1 trình bày:

Ông T1 thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền với ông B như ông B trình bày nhưng số tiền vay của ông B là chung của nhóm gồm: Ông B, ông Dương Thanh S, bà Vũ Thị Kim Y (sau đây gọi tắt là ông S, bà Y) nhưng do ông B đại diện xác lập hợp đồng vay. Ông T1 thừa nhận có mượn tiền của ông B nhưng ông T1 không nhớ số tiền cụ thể.

Sau khi vay, ông Nguyễn Trọng C (sau đây gọi tắt là ông C) là cha của ông T1 đã trả vốn 10.000.000.000đ và lãi 1.200.000.000đ, tổng cộng đã trả 11.200.000.000đ cho ông B, bà Y, ông S cùng nhận.

Nay ông T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B. Ông T1 phản tố yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả 1.200.000.000đ, vì lãi suất vượt mức quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Y trình bày:

Cơ quan thi hành án dân sự huyện T đầu giá phát mãi tài sản thi hành án với giá trị tài sản là 20.100.000.000đ. Bà Y, ông B, ông S cùng nhóm là 10.000.000.000đ; phần ông T1 là 10.000.000.000đ.

Trong quá trình mua tài sản, ông T1 có mượn 10.000.000.000đ của nhóm gồm: Bà Y, ông B và ông S nhưng ông B có đưa cho ông T1 3.000.000.000đ (chuyển khoản 2.250.000.000đ và tiền mặt 750.000.000đ), ông S đưa cho ông

T1 7.000.000.000đ (chuyển khoản 6.850.000.000đ và đưa tiền mặt 150.000.000đ).

Sau khi ông T1 mượn tiền, ngày 29/4/2021 bà Y có trả cho ông B 2.000.000.000đ thay cho ông T1. Hiện nay, ông T1 còn nợ ông B 1.000.000.000đ.

Đối với hợp đồng vay 10.000.000.000đ giữa ông B và ông T1 lập tại Văn phòng công chứng Huỳnh Minh H là do ông B thay mặt nhóm gồm: Bà Y, bà ông B và ông S để xác lập hợp đồng.

- Ông S trình bày: Trong số tiền 10.000.000.000đ do ông B cho ông T1 vay để mua tài sản bán đấu giá tại cơ quan thi hành án, thì phần của ông S là 7.000.000.000đ (đã chuyển khoản cho ông B), phần của ông B là 3.000.000.000đ nhưng ông S và ông Bá tự giải quyết số tiền 7.000.000.000đ của ông S; ông S không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Bà Trần Thị Ngọc L (sau đây gọi tắt là bà L) trình bày: Bà L không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, vì bà L không có liên quan đến hợp đồng vay tiền ngày 05/03/2021 giữa ông B với ông T1.

- Ông C: Không gửi văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

- Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông B vốn vay 10.000.000.000đ và lãi 2.775.000.000đ.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T1 về yêu cầu điều chỉnh tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/4/2024, ông C kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Ông Đoàn Kim T đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý kháng cáo của ông C; không thừa nhận có việc ông C chuyển tiền trả nợ thay cho ông T1. Bởi vì, ông C có vay của ông B số tiền 3.270.000.000đ theo Giấy mượn tiền lập ngày 22/3/2021, ông B đang khởi kiện ông C tại Tòa án Quận A và đang giải quyết.

- Ông T1 trình bày: Đồng ý kháng cáo của ông C.

- Ông C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không đồng ý bản án sơ thẩm; lý do: Sau khi ông T1 vay 10.000.000.000đ của ông B, ông S và bà Y, thì ông C có chuyển tiền vào tài khoản của ông B, chuyển tiền vào tài khoản của ông S và bà Y để trả thay cho ông T1. Ông C thừa nhận có xác lập Giấy mượn

tiền ngày 23/3/2021 với ông B nhưng số tiền mà ông C chuyển vào tài khoản của ông B là trả cho khoản nợ 10.000.000.000đ do ông T1 xác lập hợp đồng.

- Ông S trình bày: Ông không thừa nhận lời khai của ông C; không đồng ý kháng cáo của ông C.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 và ông C tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Ông C kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Ông T1 và ông C trình bày về số tiền vay 10.000.000.000đ là của chung 03 người là: Ông B, ông S và bà Y. Tuy nhiên, ông B và ông S không thừa nhận lời khai của ông T1 và ông C; ông T1 và ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ về số tiền vay 10.000.000.000đ theo hợp đồng lập ngày 05/3/2021 là của chung 03 người là: Ông B, ông S và bà Y; tuy bà Y trình bày thống nhất theo ý kiến của ông T1 và ông C nhưng bà Y cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về số tiền vay 10.000.000.000đ theo hợp đồng lập ngày 05/3/2021 là của chung 03 người là: Ông B, ông S và bà Y. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông T1 có vay 10.000.000.000đ của ông B theo hợp đồng lập ngày 05/3/2021 người vay là ông T1, người cho vay là ông B là đúng.

[2.2] Những tờ giấy do ông C giao nộp tại cấp phúc thẩm là bản phô tô và không có nội dung rõ ràng về việc ông T1 thực hiện xong nghĩa vụ của ông T1 đối với ông B theo hợp đồng lập ngày 05/3/2021; đồng thời, ông B và ông S không thừa nhận.

Như vậy, ông C và ông T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã thực hiện xong nghĩa vụ của ông T1 đối với ông B theo hợp đồng lập ngày 05/3/2021.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông B vốn vay 10.000.000.000đ và lãi 2.775.000.000đ là đúng theo quy định tại Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, ông T1 kháng cáo quá hạn và không được chấp nhận việc kháng cáo quá hạn, xem như ông T1 không kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2.3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng C.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B.
 - Buộc ông Nguyễn Trọng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc B vốn vay là 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng) và tiền lãi là 2.775.000.000đ (hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 12.775.000.000đ (mười hai tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).
 - Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Trọng T1 về yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 120.775.000đ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 19.200.000đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0013488 ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Trọng T1 phải nộp thêm số tiền 101.575.000đ (một trăm lẻ một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Ngọc B được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 59.000.000đ (năm mươi chín triệu đồng) theo Biên lai thu số 0013308 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015427 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi